

CHUYỂN BIẾN VỀ PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG TRONG PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

CHANGES IN THE METHOD OF CONDUCTING QUANG NAM PATRIOTIC AND REVOLUTIONARY MOVEMENTS IN THE EARLY TWENTIETH CENTURY

Huỳnh Văn Tuyết

Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông, Hội An, Quảng Nam; huynhvantuyet@gmail.com

Tóm tắt - Từ đầu thế kỉ XX, do tác động của những điều kiện lịch sử cụ thể, phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam chủ yếu diễn ra theo hai phương thức: bạo động duy tân và cải cách duy tân. Sự kết hợp giữa “bạo động” và “cải cách”; vận động xây dựng thực lực cách mạng từ bên trong với tranh thủ nguồn “ngoại lực” từ bên ngoài là những đặc trưng nổi bật trong phương thức vận động của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam nhằm hướng đến mục tiêu độc lập cho dân tộc, tự do dân chủ cho nhân dân, xây dựng và phát triển đất nước theo con đường văn minh tư sản. Đó chính là quá trình thay đổi, thử nghiệm những hoạt động thực tiễn mới, đa dạng, phong phú nhưng không kém phần quyết liệt dưới sự dẫn đạo của sĩ phu yêu nước tiến bộ mà đại diện là Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành...

Từ khóa - duy tân cải cách; duy tân bạo động; duy tân; Quảng Nam; đầu thế kỉ XX.

Abstract - At the beginning of the twentieth century, due to the impact of specific historical conditions, Quang Nam patriotic and revolutionary movements mainly took place in two modes: violent and innovative reform. The combination of “violence” and “reform”, mobilizing revolutionary force from within together with taking advantage of external forces from “external sources” are the prominent features in the campaign mode of Quang Nam patriotic and revolutionary movements towards the goal of independence, freedom and democracy for the people, building and developing the country according to bourgeois civilization. It is a process of change, testing new practical activities, diverse, rich but equally fierce under the guidance of the progressive patriots represented by Phan Chu Trinh, Huynh Thuc Khang, Tran Quy Cap, Nguyen Thanh...

Key words - reform innovation; violent innovation; innovation; Quang Nam; early twentieth century.

1. Đặt vấn đề

Sự chuyển biến của một phong trào yêu nước và cách mạng (CM) (phong trào dân tộc, dân chủ) cụ thể không chỉ bao hàm quá trình chuyển biến về tư tưởng chính trị, cơ cấu tổ chức lãnh đạo mà còn được phản ánh qua sự chuyển biến về phương thức tiến hành. Tức nó được biểu hiện bằng những hoạt động thực tiễn cơ bản, cụ thể có liên quan tổng thể tới phong trào. Về vấn đề này, trong gần 20 năm đầu thế kỉ XX ở Quảng Nam, do tác động của những điều kiện lịch sử cụ thể, phong trào dân tộc chủ yếu diễn ra theo hai phương thức: bạo động duy tân (DT) và cải cách DT. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trong bối cảnh Pháp tăng cường đẩy mạnh khai thác, bóc lột, xã hội có sự phân hóa sâu sắc, phong trào dân tộc dân chủ Quảng Nam trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống vẫn diễn ra bằng nhiều hoạt động đa dạng, phong phú.

Trong bài báo này, chúng tôi tập trung phân tích những hoạt động thực tiễn chủ yếu theo hai khuynh hướng bạo động DT và cải cách DT dưới sự dẫn đạo của những tư tưởng đã được DT trong phong trào yêu nước và CM Quảng Nam đầu thế kỉ XX.

2. Nội dung

2.1. Phương thức hoạt động theo lập trường cứu nước của Duy Tân Hội

Duy Tân Hội (DTH) và phong trào Đông Du (PTĐĐ) ra đời và hoạt động gắn với vai trò lãnh đạo của Nguyễn Thành và Phan Bội Châu. DTH ra đời năm 1904 tại Quảng Nam, nhằm hiện thực hóa mục tiêu cứu nước giải phóng dân tộc bằng con đường CM bạo động. Để thực hiện mục tiêu đó, Hội vạch ra kế hoạch hành động gồm 3 điểm chính: Mở rộng thế lực của Hội về người và tài chính; Xúc tiến công cuộc chuẩn bị bạo động và trù liệu cử người xuất dương cầu viện.

Căn cứ vào kế hoạch hành động trên, chúng ta nhận thấy phương thức hoạt động chủ yếu theo lập trường cứu nước của DTH là cầu ngoại viện và tự lực.

Cầu ngoại viện là vấn đề quan trọng đặc biệt được Nguyễn Thành và Phan Bội Châu bàn tính kĩ càng và đi đến thống nhất tiến hành “Đông Du” cầu viện Nhật Bản. Tuy nhiên, khi chủ trương cầu viện quân sự bị từ chối và theo lời khuyên của những người bạn Nhật Bản và Trung Quốc, Phan Bội Châu đã chuyển hướng từ cầu viện quân sự sang cầu học nhằm đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, làm nền tảng chấn hưng dân khí, khai dân trí và kiến tạo nên PTĐĐ. Với việc phát động PTĐĐ (1905 - 1909), đã đánh dấu bước chuyển biến mới trong phương thức cứu nước của DTH và Phan Bội Châu: chuyển từ khuynh hướng bạo động sang khuynh hướng bất bạo động, điều này thể hiện sự uyển chuyển, linh hoạt trong tư tưởng và hành động của các lãnh tụ DTH.

Để thức tỉnh tinh thần dân tộc, kêu gọi Đông Du, Phan Bội Châu và các nhà lãnh đạo DTH đã sáng tác nhiều thơ, văn như: Việt Nam vong quốc sử (1905), Khuyển quốc dân tự trợ du học văn (1906), Hải ngoại huyết thư (1906), Đề tỉnh quốc dân hồn (1907), Tân Việt Nam (1907), Việt Nam vong quốc sử khảo (1908)... Những tác phẩm thấm đượm tình yêu nước và CM đã góp phần to lớn thức tỉnh tinh thần yêu nước, kêu gọi đấu tranh, tập hợp và đoàn kết lực lượng để chống Pháp và tay sai, tạo nên một phong trào yêu nước sôi nổi theo khuynh hướng DT CM ôn hòa.

Việc chính quyền Nhật Bản từ chối sự giúp đỡ về quân sự đã giúp Phan Bội Châu nhận ra tầm quan trọng của thực lực CM và muốn mưu đồ công cuộc giải phóng chỉ có thể dựa vào thực lực của chính mình. Ông cho rằng, để cứu nước, giải phóng dân tộc thì cần phải có một nguồn lực cần thiết để lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, mà trước hết là nguồn lực trong nước - nguồn nội lực; còn “ngoại

viện” chỉ là để gây thanh thế cho nội lực mà thôi. Tức là chúng ta cần phải tiến hành: một mặt xây dựng và phát triển sức mạnh của các yếu tố cấu thành nội lực như kinh tế, văn hóa, truyền thống và con người Việt Nam; tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam. Mặt khác, phải tranh thủ sự giúp đỡ, viện trợ từ bên ngoài để vừa bổ sung, tăng cường sức mạnh nội lực, vừa tiếp thu, học tập kinh nghiệm của những nước tiên tiến. Từ đó, Phan Bội Châu và DTH tập trung đẩy mạnh các hoạt động nhằm xây dựng thực lực cho CM cả trong và ngoài nước.

Tháng 6/1905, Phan Bội Châu và Đặng Tử Kính trở về nước, sau khi gặp gỡ và bàn bạc với các đồng chí trong DTH, Phan Bội Châu vạch kế hoạch hành động tiếp theo của Hội gồm 3 điểm chính: (1) Nhanh chóng đưa Cường Để ra nước ngoài; (2) Lập các hội Nông, hội Thương, hội Học để tập hợp quần chúng; (3) Chọn ngay một số thanh niên thông minh, hiếu học, chịu được lao khổ đưa đi học nước ngoài.

Kế hoạch hành động của DTH từ nửa cuối năm 1905 cho thấy sự chuyển biến rõ rệt trong tư tưởng và phương thức hoạt động của tổ chức này: từ xuất dương “cầu viện” sang xuất dương “cầu học”, nhằm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán cho CM; từ mong chờ sự viện trợ về lực lượng, vũ khí, phương tiện quân sự từ bên ngoài sang tập trung xây dựng thực lực cho CM mà trọng tâm là việc thành lập, phát triển các hội nông, hội thương, hội học để tập hợp quần chúng, phát triển thực lực CM cả về người và tài chính. Như vậy, phương thức hoạt động của DTH đã chuyển từ lấy bạo động vũ trang làm phương thức trọng tâm (từ trước tháng 06/1905) sang lấy DT cái cách ôn hòa làm trọng tâm (từ tháng 06/1905) nhằm tăng cường sức mạnh nội lực cho dân tộc.

Chủ trương, hoạt động của DTH và Phan Bội Châu đã tạo dựng nên PTĐD sôi nổi, được hưởng ứng của đông đảo nhân dân từ Bắc chí Nam. Trong năm 1906, số lượng du học sinh Việt Nam đến Nhật chưa nhiều, theo *Niên Biểu* của Phan Bội Châu thì đầu năm có Cường Để sang, sau đó thì một số thanh niên ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, còn ở Nam Kỳ thì chỉ mới có Trần Trọng Khắc và Bùi Mộng Vũ. Từ năm 1907, do ảnh hưởng của *Khuyến quốc dân tự trợ du học văn* và kết quả của vận động trong nước nên số lượng du học sinh sang Nhật tăng lên nhanh chóng. Có thời điểm có đến 100 người tập trung ở Hồng Kông để chờ tàu sang Nhật [1, tr. 22]. Các công trình nghiên cứu về PTĐD ở trong và ngoài nước đều công bố, tính đến năm 1908, số lượng du học sinh Việt Nam ở Nhật Bản vào khoảng 200 người (Nam Kỳ khoảng 100, Bắc Kỳ khoảng 50, Trung Kỳ khoảng gần 50).

Được sự giúp đỡ của các chính khách Nhật Bản, du học sinh Việt Nam được đưa vào học ở những trường lớn, nổi tiếng như *Đông Á đồng văn thư viện*, *Chấn võ học viện* và được đào tạo về văn hóa, đặc biệt là quân sự cần thiết cho công cuộc đánh Pháp giành độc lập dân tộc và kiến thiết đất nước sau này. Năm 1907, Phan Bội Châu thành lập tổ chức *Công hiến Hội* để quản lý và điều hành các hoạt động của du học sinh nhằm trang bị tốt nhất cho họ những kiến thức cần thiết cho công cuộc khôi phục độc lập và DT đất nước về sau. Sau vụ “Trung kỳ dân biến” năm 1908, Pháp - Nhật cấu kết với nhau trục xuất du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản, Phan Bội Châu và DTH bắt đầu chuyển hướng về CM Trung Quốc và các dân tộc bị áp bức Á Đông để chống kẻ thù

chung. Bằng các hoạt động cụ thể như cộng tác với *Văn Nam tạp chí*, cùng các chí sĩ Triều Tiên, Trung Quốc, Ấn Độ, Philippin thành lập *Hội Đông Á đồng minh*; sáng kiến thành lập *Hội Diên - Quế - Việt liên minh* đã chứng tỏ bước tiến mới về tư tưởng, tổ chức và phương pháp tiến hành CM ở Phan Bội Châu và những người lãnh đạo DTH. Họ bắt đầu chuyển từ lập trường lợi ích CM quốc gia sang lợi ích chung của các dân tộc bị áp bức và CM thế giới; chuyển từ phương thức “cầu viện” Nhật Bản là chủ yếu sang kết hợp mở rộng liên kết với các dân tộc khác cùng cảnh ngộ để tiến tới cùng làm CM chống kẻ thù chung.

Ở trong nước, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tiểu La, công cuộc xây dựng và phát triển thực lực của DTH không ngừng được đẩy mạnh. Tại Quảng Nam và các tỉnh DTH đã khéo léo kết hợp với các sĩ phu yêu nước trong Phong trào Duy Tân (PTDT) tổ chức các hội học, hội nông, hội thương... chăm lo sản xuất kinh doanh, thu lợi, quyên góp tài chính. Theo tài liệu của Sở Mật thám Pháp, Nguyễn Thành đã có mối quan hệ mật thiết với 72 cơ sở thương hội trên toàn miền, ông còn góp cổ phần kinh doanh để lấy tiền gửi cho Phan Bội Châu lo kinh phí cho học sinh du học, số tiền DTH trong nước vận động gửi sang Nhật lên đến 12.000 đồng.

Ngoài những hoạt động kết hợp với PTDT để tổ chức các hội buôn, hội nông, hội học, tại Thăng Bình, Quảng Nam còn thường xuyên tổ chức các hoạt động dưới hình thức vui chơi như đá gà, đua ngựa, đánh cờ,... Những hoạt động hợp pháp này làm vỏ bọc cho mục đích quyên góp tiền cho phong trào du học và những cuộc mật bàn về những vấn đề CM quan trọng giữa những người lãnh đạo phong trào trong cả nước.

Tóm lại, chủ trương làm CM bạo động để giải quyết mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp là khuynh hướng chủ đạo và xuyên suốt trong đường lối cứu nước của DTH, Việt Nam Quang phục Hội và Phan Bội Châu. Tuy nhiên, qua thực tiễn, cùng với sự tác động của những nhân tố bên trong và bên ngoài, DTH đã có những chuyển biến rõ nét mang tính linh hoạt và sáng tạo trong phương thức hoạt động. Ban đầu, khi mới thành lập, DTH lấy việc “cầu ngoại viện” để tiến hành bạo động vũ trang làm phương thức hoạt động chủ yếu, thì kể từ khi bị từ chối giúp đỡ về quân sự của Nhật Bản và Trung Quốc, DTH đã chuyển từ cầu viện quân sự sang cầu học, tập trung xây dựng thực lực CM ở trong nước, tăng cường sức mạnh nội lực của dân tộc. Đó là bước khởi đầu cho quá trình kết hợp đồng thời hai phương thức bạo động vũ trang và DT, làm CM ôn hòa; sự kết hợp tăng cường sức mạnh “nội lực” của dân tộc làm chủ yếu với việc tranh thủ, tận dụng triệt để nguồn “ngoại lực” để nhân lên sức mạnh nội lực, tạo nên sức mạnh tổng hợp (nội lực và ngoại lực) nhằm hướng đến mục đích tối cao là cứu nước, giải phóng dân tộc.

2.2. Phương thức hoạt động theo chủ trương duy tân cải cách của Phan Chu Trinh

Đất Quảng trong những năm đầu thế kỉ XX không chỉ là đại bản doanh của DTH mà còn là trung tâm của cuộc vận động DT rộng lớn khắp Bắc - Trung - Nam. “Đó là cuộc vận động nhằm duy tân đất nước, tự cường dân tộc, phá bỏ các trì trệ cổ hủ phong kiến, xây dựng một xã hội mới dân chủ” [2, tr. 156]. Cuộc vận động DT cải cách theo

khuyh hướng dân chủ tư sản khởi phát đầu tiên ở Quảng Nam với các lãnh tụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp.

Khác với chủ trương của DTH, các nho sĩ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... chủ trương làm CM ôn hòa, bất bạo động, bằng phương pháp đấu tranh hòa bình, hợp pháp, đòi dân sinh, dân chủ một cách công khai. Với phương châm trực tiếp vận động dân chúng DT, không thông qua triều đình hay đưa đề nghị, dự án lên chính quyền phong kiến; hoạt động công khai, bất bạo động, không cầu ngoại viện, không thành lập đảng phái hay bất kỳ hội kín nào; nội dung chủ yếu là nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, phát triển dân sinh, vận động dân quyền nhằm hướng đến xây dựng xã hội mới dân chủ. Về thực chất, đó là nội dung của tư tưởng giải phóng dân tộc, làm CM dân chủ theo xu hướng CM ôn hòa của Phan Chu Trinh và những người lãnh đạo PTDT Quảng Nam và việc triển khai thực hiện những nội dung của tư tưởng đó chính là thực thi lộ trình của công cuộc giải phóng dân tộc.

Với phương châm đã được xác định, từ năm 1903, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đã đứng ra vận động công cuộc DT ở Quảng Nam. Từ Quảng Nam, phong trào nhanh chóng lan rộng ra nhiều địa phương khác trong cả nước.

Cuộc vận động DT ở Quảng Nam diễn ra trên nhiều lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, kinh tế, xã hội..., bao gồm các hoạt động rất đa dạng, từ lập hội buôn bán, hội canh nông, mở trường học, đến việc vận động bãi trừ phong tục tập quán hủ bại, truyền bá những tư tưởng về mục đích, nội dung và phương thức DT, vấn đề tự cường, vấn đề dân chủ, dân quyền, vận động đời sống mới như cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu...

Hoạt động tuyên truyền vận động DT: từ năm 1903, thông qua hình thức diễn thuyết, sáng tác thơ văn, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đã tiến hành cuộc vận động tuyên truyền DT rầm rộ ở Quảng Nam và sau đó là ở các địa phương khác khắp Trung Kỳ. Lê Cơ, một người bà con đã được lĩnh hội tư tưởng và truyền hơi nóng DT sớm nhất từ chính Phan Chu Trinh. Vì vậy, cũng trong năm 1903, Lê Cơ đã sẵn sàng đứng ra nhậm chức Lí trưởng làng Phú Lâm (Tiên Phước) nhằm tạo dựng cơ sở, thực hiện những cải cách, dọn đường để phát động PTDT. Phú Lâm dưới sự chỉ đạo của Lê Cơ đã trở thành “làng duy tân kiểu mẫu”, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong PTDT ở Quảng Nam cũng như cả nước trong những năm đầu thế kỉ XX.

Hơi nóng DT đã được Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp truyền đến tận các vùng rừng sâu nước độc, núi non hiểm trở ở phía Tây Quảng Nam. Do khí hậu “độc địa”, công cuộc thương sơn mở nhân điền không đạt hiệu quả như mong muốn, Trần Quý Cáp cùng các bạn của ông vẫn không nản chí, họ tiếp tục công cuộc vận động hiến đất, hùn vốn, hợp sức lập nông hội, mở trường học, tuyên truyền vận động cải cách phong tục, lối sống ở vùng đồng bằng Điện Bàn, Hòa Vang.

Đến năm 1905, khi phong trào diễn ra rầm rộ ở Quảng Nam, “Bộ ba Quảng Nam”⁽¹⁾ tiến hành Nam du, tiếp tục công cuộc vận động DT. Năm 1906, tại Bình Định, trong

ki thi Hương, ba ông đã tham gia khảo hạch và tạo nên thi văn phẩm nổi tiếng *Chí thành thông thánh* và *Danh ngọc lương sơn*, tỏ rõ thái độ thách thức nhà cầm quyền, chống đối quan lại lười cuối; bài xích khoa cử, lối học từ chương... trực tiếp cổ động cho tân học, cái học mới. Sự kiện này đã gây tiếng vang lớn, làm lay động tư tưởng của các trí thức nho học ở đất Trung Kỳ lúc bấy giờ.

Tiếp tục công cuộc Nam du, tại Bình Thuận, Phan Chu Trinh đã vận động lập Thor xã, giảng giải sách báo mới, nhằm truyền bá tư tưởng dân chủ, tự cường; chủ xưởng hội Thanh niên tập thể dục, lập trường Dục Thanh để dạy học cái học mới, cái học tự cường; vận động tổ chức những hội kinh tài để thu lợi nuôi học sinh, mà sự ra đời của công ty Liên Thành là một minh chứng rõ nét nhất.

Hoạt động lập Thương hội, Nông hội: Các nhà DT Quảng Nam cho rằng, làm giàu là một trong những biện pháp tối ưu để có thể giành lại độc lập dân tộc và phát triển đất nước theo con đường văn minh tiến bộ. Vì vậy, người Việt Nam phải tự mình nỗ lực chấn hưng công nghệ và thương mại nước nhà, phải có chí làm giàu. Khi nào có trong tay một nền kỹ nghệ và thương mại phát triển, khi đó quốc dân mới cường thịnh, xã hội tiến bộ, văn minh. PTDT ở Quảng Nam khởi điểm từ “Hợp thương, Dĩ thương hợp quần” (Hội buôn – Dừng buôn bán để hợp nhau lại), dùng hoạt động kinh tế, chủ yếu là buôn bán làm chỗ dựa cho giáo dục và văn hoá.

Cuộc vận động DT về kinh tế ở Quảng Nam tập trung vào việc chấn hưng thực nghiệp, phủ định quan niệm của xã hội phong kiến “trọng nông ức thương”. Các chí sĩ DT đã hô hào lập công ty sản xuất buôn bán, lập hội đoàn kinh doanh... Họ hùn vốn, thành lập những tổ chức kinh doanh, vừa thực hành thực nghiệp, vừa kêu gọi mọi người đẩy mạnh sản xuất và dùng hàng nội hoá. Với chủ trương “dĩ thương hợp quần”, lấy buôn bán để tập hợp nhau lại cùng lo việc nước nên việc buôn bán gọi là “quốc thương” và việc thành lập các hội buôn chung gọi là “hợp thương” hay “thương hội”.

Ở Quảng Nam có ba thương hội quan trọng: thương hội Diên Phong do ông Phan Thúc Duyện điều khiển; hội buôn Thăng Bình ở làng Phú Lâm do Lê Cơ chủ trương; và thương cuộc Hội An do Nguyễn Toàn đặc trách. Thương hội vừa bán sỉ, vừa bán lẻ đủ các loại hàng, tổ chức chu đáo, trên mỗi món hàng có dán nhãn hiệu, ghi giá nhất định.

Hợp thương Diên Phong do Phan Thúc Duyện chủ trương, quản lí, thuộc làng Phong Thử, Điện Bàn. Thương hội tổ chức buôn bán những mặt hàng nông, lâm, thổ sản chủ yếu như: vải, sợi, đường, heo, dầu phụng; vận chuyển bằng ghe bầu xuống thương cuộc Hội An hoặc vượt biển đi các tỉnh khác. Đây là thương hội có quy mô lớn, trình độ tổ chức khá quy củ, có ban giám đốc quản lí và đội ngũ nhân viên lên đến 40 người. Hợp thương Diên Phong trở thành đầu não cho các thương cuộc trong tỉnh.

Nằm ở vị trí thuận lợi, thương cuộc Hội An đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động thương mại của PTDT ở Quảng Nam đầu thế kỉ XX. Trụ sở của thương cuộc là một căn nhà khá rộng, tọa lạc trên đường Chùa Cầu. Hoạt động giao thương khá rộng trên cả tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận. Thương cuộc buôn bán đủ các loại hàng hóa sỉ và

⁽¹⁾Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp.

lẻ: “vải, gạo, đường, quế, tơ là những hàng chính bán cho Trung Hoa; cau khô, đường mất tre, dầu phụng bán sỉ cho các ghe ở tứ phương về mua đem bán lại cho các chợ thôn quê” [3, tr. 153]. Ngoài ra, thương cuộc Hội An còn bán cả tân thư, bản đồ, sách vở, bút mực... Thương cuộc nằm ở thành phố cảng sầm uất, nên việc tổ chức, quản lý khá quy củ và mang tính “chuyên nghiệp”, tất cả các loại hàng hóa đều được phân loại, xếp đặt ngăn nắp, có niêm yết giá và có mặt hàng đã có nhãn mác như nước mắm Nam Ô; hàng xuất, nhập đều được cập nhật, quản lý bằng sổ sách cẩn thận. Có thể khẳng định rằng, Thương cuộc Hội An là thương cuộc được tổ chức theo hãng buôn kiểu mới ở nước ta lúc bấy giờ và trở thành nơi tụ hội của các sĩ phu hăm mộ DT Quảng Nam và cả nước. Trên cơ sở này, thành lập ra Quảng Nam hiệp thương công ty vào năm 1907 theo hình thức cổ phần.

Phạm vi hoạt động của các thương hội không chỉ bó hẹp trên địa bàn Quảng Nam mà mở rộng ra Huế, Nghệ An và cả Hà Nội. Các thương hội Quảng Nam đã trở thành mô hình kiểu mẫu ban đầu cho hoạt động DT về kinh tế của PTDT cả nước, được các nhân sĩ tinh khác đến học hỏi kinh nghiệm, trong đó có cả các nhân sĩ DT nổi tiếng ở Bắc Kỳ như Lương Trức Đàm, nhằm chuẩn bị cho việc mở các thương hội khác.

Sự phát triển mạnh mẽ của thương nghiệp đã tạo ra hệ ứng tích cực để nông nghiệp tiến theo. Nông nghiệp được tổ chức dưới hình thức các nông hội, trại cây, sơn trang... để tập trung nhiều năng lực, khai khẩn nhiều đất hoang, trồng những loại cây có thể xuất khẩu đem lại nguồn lợi lớn như quế, tiêu, chè...

Khu vực Nam Quảng Nam, từ năm 1906, theo Huỳnh Thúc Kháng, hàng loạt nông hội quế, tiêu, chè, với quy mô lớn, nhỏ đã được thành lập ở vùng núi phía Tây Quảng Nam như Tiên Phước, Quế Sơn, Trà My, Hiên, Giăng...; bởi ở đây có điều kiện đầu tư để lập vườn quế, tiêu, chè... mang lại giá trị cao. Từ xưa, thương lái Trung Hoa là những người nắm độc quyền ngoại thương ở Quảng Nam, và tất nhiên họ không thể bỏ qua những mặt hàng mang lại lợi nhuận lớn như tiêu, quế, chè, mà đặc biệt là quế. Họ ép nông dân phải bán rẻ, bán non những sản phẩm của mình, bán cả vườn nhưng chỉ đặt trước với số tiền rất nhỏ. Do đó, khi các thương hội, công ty ra đời để hùn những nguồn vốn lớn cho vay tránh bán non, trừ được sản phẩm, chờ được giá và tìm thị trường để xuất khẩu đã đáp ứng được nhu cầu về vốn, giá cả và đầu ra cho nông dân. Đó là lí do vì sao phong trào “mở vườn quế, lập vườn chè” phát triển ở các huyện miền núi phía Tây Quảng Nam. Phong trào lên cao, hấp dẫn đến độ thu hút cả quan lại của triều đình. Đề đốc Trần Tuệ, người được cử trông coi đường sá lên mỏ vàng Bồng Miêu bị bức tử vào năm 1908, bởi do cường bức dân để chiếm đoạt đất đai lập nông hội trồng quế, tiêu.

Ở vùng Bắc Quảng Nam, do đất đai đã được khai thác hết, không có nhiều nguồn lợi nên chủ yếu tập trung vào ngũ cốc. Giữa năm 1906, Trần Quý Cáp cùng các bạn đồng tâm đã mộ người lên tận vùng Sé⁽¹⁾, đầu nguồn sông Thu Bồn khai khẩn đất hoang, lập nhân điền Cờ Vi (rẫy Cờ Vi). Nơi đây đất đai bằng phẳng, rất màu mỡ, thuận lợi cho gieo

vải, trồng trọt, nhất là cây bắp. Công việc được tiến hành rất thuận lợi trong một thời gian, tuy nhiên do điều kiện giao thông khó khăn, công tác vận chuyển hàng hóa rất khó, cùng với khí hậu khắc nghiệt, bệnh sốt rét rừng đã khiến cho công cuộc khai hoang, lập nhân điền của Trần Quý Cáp phải bỏ giữa chừng và quy về lại đồng bằng.

Không thành công trong cuộc khai hoang lập nông hội ở vùng núi phía Tây, Trần Quý Cáp quay về đồng bằng lập Nông hội Yên Nê ở vùng giáp ranh giữa Hòa Vang và Điện Bàn. Nông hội Yên Nê với diện tích khoảng 20 mẫu đất do lí hương và nông dân tự nguyện hiến cho. Nông hội trồng các loại sắn, khoai, bắp, được quản lý bởi Học Bổng (bố vợ Thái Phiên) và hai anh em Tú Diêu, Hương Bung. Đây là nông hội lớn và được tổ chức quản lý quy củ bậc nhất ở vùng đồng bằng phía Bắc Quảng Nam. Ngoài Yên Nê, phong trào khai phá đất hoang, lập nông hội cũng diễn ra mạnh ở Đại Lộc với nông hội Bửu Sơn và Duy Xuyên với nông hội Tháp Mỹ Sơn. Đây là những nông hội lớn, diện tích mỗi nông hội lên đến gần 50 mẫu, trồng chủ yếu các loại sắn, khoai, bắp; riêng ở Tháp Mỹ Sơn còn có trồng lúa.

Phong trào lập hội thương, hội nông diễn ra sôi nổi và rộng khắp Quảng Nam, lan rộng ra cả Trung Kỳ, ảnh hưởng đến Bắc Kỳ, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Sức ảnh hưởng, lan tỏa của phong trào lập Hội đã ăn sâu vào trong nhân dân, trở thành phương thức để làm giàu. Thương hội và nông hội gắn bó mật thiết với nhau, tương trợ cho nhau và trở thành hậu thuẫn cho PTDT Quảng Nam. Việc các sĩ phu hợp nhau lại thành lập công ty kinh doanh là một hiện tượng hết sức mới mẻ. Họ làm kinh tế vì lợi nhuận là một phần nhưng phần nhiều là muốn làm gương cho dân chúng để giương cao ngọn cờ chấn hưng thực nghiệp, hướng đến tự cường dân tộc. Đó không chỉ là sự chuyển biến lớn về tư tưởng chính trị khi các sĩ phu đất Quảng hiểu ra được chủ quyền dân tộc rằng không chỉ có chủ quyền chính trị mà cả chủ quyền kinh tế; độc lập không chỉ gắn với thái bình mà còn gắn với phú cường. Vì lẽ đó, để cứu nước, giành lại độc lập không chỉ bằng phương thức vũ trang bạo động mà còn là sự đua tranh kinh tế để tự cường dân tộc. Hay nói cách khác, đối với các nho sĩ DT Quảng Nam đầu thế kỉ XX, làm giàu, phát triển kinh tế, để tự cường dân tộc cũng là phương thức để cứu nước.

Hoạt động cải cách phong tục, lối sống: Ngoài các hoạt động lập thương hội, nông hội, mở trường học... PTDT Quảng Nam đầu thế kỉ XX, còn chú trọng đến việc thay đổi lối sống, lễ lối sinh hoạt hằng ngày, phong tục tập quán, nghi lễ... theo cách mới, đề cao tinh thần khoa học và coi đó là một trong những nội dung, liên quan trực tiếp đến công cuộc văn minh hóa, tiến bộ hóa xã hội. Đây là một nội dung quan trọng để thực hiện “khai dân trí” và làm cuộc “tân dân”. Do đó, từ lúc khởi xướng, Phan Châu Trinh có những bài ca, bài vẽ, tổ chức những buổi diễn thuyết để tuyên truyền cổ động cho nền văn hoá mới tiến bộ hơn. Trong bài *Tinh quốc hồn ca I*, Phan Châu Trinh phê phán thói mê tín dị đoan, kêu gọi mọi người “bền gan chắc dạ”, vững tin vào bản thân:

Người mình không tự cường, tự miễn

Chỉ mơ màng những chuyện hư vô

⁽¹⁾Cách Tân tinh Trung Lộc (Quế Lộc, Nông Sơn) của Nghĩa hội Cần Vương khoảng gần 30 km về phía Tây.

Đổ cho tại mã, tại mỗ

Đổ cho số phận, đổ cho tại thời

...

Và ông: *Khuyên khắp thị thành, thôn xã*

Đừng tin càn, tin chạ mà bầy

Thử xem các nước Đông, Tây

Xưa nay trời giúp người ngày bao giờ [4, tr. 355-356].

Cuộc vận động mặc “áo quần cụt”, bỏ thói ăn trầu để răng trắng, cắt móng tay ngắn, đi giày.... diễn ra sôi nổi. Đáng chú ý nhất là hoạt động “cắt tóc ngắn” được xem là linh hồn của phong trào về mặt phong hoá. Cắt tóc ngắn trở thành biểu tượng của ý chí canh tân và từ bỏ cái cũ lạc hậu. Về vận động cúp tóc, có bài vè:

Cúp hể! cúp hể!

Tay mặt cầm kéo,

Tay trái cầm lược,

Cúp hể! cúp hể!

Đùng đình cho khéo

Bỏ cái ngu này

Bỏ cái dại này

Học theo người Tây...

Phen này ta cúp

Phen sau ta cạo...

Bản thân Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... cũng tiến hành Tây hoá trong cách ăn mặc và đầu tóc. Phan Châu Trinh cũng đã tạo ra “mốt Tây Hồ”. Ông “vận một cái áo bành tô và một chiếc quần vải nội hoá Quảng Nam nhuộm đen, thắt cái cà vạt cũng bằng vải đen, đi đôi giày “dôn” mô vẹt và đội cái nón “cát trắng” [5, tr. 201]. Lê Cơ là một tấm gương có văn hoá mới với hình thể bên ngoài như người Tây: to lớn, râu ria, ăn mặc đồ Tây, không mặc cảm trước võ quan thực dân... Bản thân các nhà duy tân thực hiện trước để làm gương nhằm vận động, tuyên truyền, giải thích cho dân hiểu. Các ông Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp.... đã len lỏi vào từng xóm thôn, đi từ làng này qua xã nọ để hô hào thuyết phục mọi người thực hành công cuộc DT. Từ đây, một phong trào dùng hàng nội hoá, cắt tóc ngắn, mặc Âu phục, bãi trừ hủ tục diễn ra khắp các làng xã của tỉnh Quảng Nam.

Trước sự phát triển của PTDT, chính quyền thực dân đã nhận thấy được sự nguy hiểm của các hoạt động này. Báo cáo của Công sứ Quảng Nam (số 184, ngày 5 - 12 - 1907) nêu rõ: “Con số người gia nhập Hội (buôn và nông) ở Quảng Nam ngày càng tăng (...) có những nơi toàn xã cùng gia nhập. Hàng tháng hội họp vào những ngày nhất định,

mồng 1 và 15 rất đều đặn. Họ ở các chợ chính, có cuộc số người dự lên đến cả ngàn người (...) Họ ca ngợi nông nghiệp và thương mại như là phương thức để làm giàu và nhờ đó mà trở nên mạnh. Nhưng chính những cuộc hội họp đó mà những người lãnh đạo tiếp xúc với dân chúng làm cho dần quen nghe theo lời khuyên của họ, và sau này sẽ tuân theo mệnh lệnh của họ” [6, tr. 96].

3. Kết luận

Nếu ở cuối thế kỉ XX, đấu tranh vũ trang là phương thức vận động chủ yếu của phong trào yêu nước chống Pháp Quảng Nam thì sang đầu thế kỉ XX, dưới sự dẫn đạo của sĩ phu yêu nước tiến bộ, phong trào dân tộc dân chủ đất Quảng tiếp tục phát triển mạnh mẽ với hai phương thức chủ yếu là bạo động DT và cải cách DT. Sự kết hợp giữa “bạo động” và “cải cách”; vận động xây dựng thực lực CM từ bên trong tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài là những đặc trưng nổi bật trong phương thức vận động của phong trào yêu nước và CM Quảng Nam trong 20 năm đầu thế kỉ XX. Quá trình đó là quá trình thay đổi, thử nghiệm những hoạt động thực tiễn mới, đa dạng, phong phú nhưng không kém phần quyết liệt dưới sự dẫn đạo của sĩ phu yêu nước tiến bộ. Sự thất bại của các phong trào yêu nước và CM Quảng Nam trong 20 năm đầu thế kỉ XX đã phản ánh sự suy giảm về vị trí của tầng lớp trí thức phong kiến tư sản hóa trong xã hội, đồng thời cũng thể hiện sự bất lực của họ trước yêu cầu thực tiễn của CM dân tộc. Dù cuối cùng các phong trào đều không đi đến thành công, do ở Quảng Nam nói riêng và Việt Nam nói chung vào lúc này chưa hội tụ đầy đủ các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội chín muồi. Tuy nhiên, sự chuyển biến trong phương thức hoạt động của phong trào yêu nước và CM Quảng Nam đầu thế kỉ XX đã tạo ra những tiền đề vững chắc đưa phong trào dân tộc Quảng Nam bước vào giai đoạn phát triển mới - giai đoạn tìm con đường giải quyết khủng hoảng về tư tưởng và đường lối cứu nước theo khuynh hướng CM vô sản trong nửa sau thập niên 20 thế kỉ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tiến Lực, “Phong trào lưu học sinh của thanh niên Việt Nam ở Nhật Bản (1905 - 1909)”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (1), 2006, trang 19-29.
- [2] Trần Thị Hạnh, *Quá trình chuyển biến tư tưởng của Nho sĩ Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỉ XX*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
- [3] Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy Tân*, NXB Đà Nẵng, 2006.
- [4] Phan Châu Trinh toàn tập, *Tập 1*, NXB Đà Nẵng, 2005.
- [5] Boudarel, *Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam ở thời đại ông*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997.
- [6] Nguyễn Sinh Duy, *Quảng Nam những vấn đề sử học*, NXB Văn hóa Thông tin TP. Hồ Chí Minh, 2006.

(BBT nhận bài: 10/10/2017, hoàn tất thủ tục phản biện: 30/10/2017)